

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Số: 71/2026/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước; thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I và một số chế độ báo cáo chấp hành ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 258/TTr-STC ngày 27 tháng 5 năm 2026 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước; thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I và một số chế độ báo cáo chấp hành ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ) được giao thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2026/TT-BTC); các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương được giao thẩm quyền tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách

th

cấp xã năm trước gửi Sở Tài chính được giao thẩm quyền quy định tại điểm g khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; thời hạn và mẫu biểu báo cáo trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước được giao thẩm quyền quy định tại điểm k khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC; thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính được giao thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị dự toán cấp I được UBND thành phố và UBND cấp xã giao dự toán.
2. Đơn vị sử dụng ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.
3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.
4. Sở Tài chính, cơ quan tài chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Kho bạc Nhà nước khu vực và các phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước ở địa phương.
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (đối với cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ)

1. Chậm nhất ngày 05 tháng 6 hằng năm, các đơn vị dự toán cấp I ở cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của cấp xã lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng, kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách gửi cơ quan tài chính cấp xã để tổng hợp.

2. Chậm nhất ngày 15 tháng 6 hằng năm các đơn vị dự toán cấp I cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng, kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; xem xét, tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

Điều 4. Tài liệu thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I u

Đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán ngân sách để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán như sau:

1. Mẫu biểu thuyết minh căn cứ phân bổ chi sự nghiệp theo lĩnh vực theo mẫu biểu từ số 37.1 đến số 46.4 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Các văn bản liên quan làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ cho từng đơn vị sử dụng ngân sách.

Điều 5. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã

Chậm nhất trước ngày 10 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước theo Mẫu biểu số 01 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước

1. Cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương. Cơ quan tài chính cấp xã định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

2. Mẫu biểu báo cáo theo Mẫu biểu số 02 đến 05 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính

1. Chậm nhất trước ngày 20 tháng 02 năm sau, đơn vị dự toán cấp I trực thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan tài chính cấp xã.

2. Chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 năm sau, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách thành phố gửi báo cáo quyết toán ngân sách cho Sở Tài chính.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm và Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước cho cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch – đầu tư; tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. 

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: /

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật thuộc Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBNDTP;
- UBNDTTQVN thành phố Đà Nẵng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Công báo TP Đà Nẵng;
- Công Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XIII và các phòng giao dịch trực thuộc;
- Lưu: VT.

LS LT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh



Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71 /2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN VÀ THỜI HẠN BÁO CÁO
Mẫu biểu số 01	Báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước	Dành cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 3 năm sau
Mẫu biểu số 02	Tình hình cân đối ngân sách địa phương quý...năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 03	Ước thực hiện thu NSNN quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 04	Ước thực hiện chi NSNN quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo UBND cùng cấp trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau
Mẫu biểu số 05	Tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã quý... năm...	Dành cho cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Sở Tài chính trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau

th

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...

(Dùng cho UBND cấp xã báo cáo Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
	(Chi tiết danh mục công trình, dự án)			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
	(Chi tiết chế độ, chính sách)			
5	Nội dung khác (nếu có, nêu cụ thể)			

th

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Mẫu biểu số 02

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... tháng so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp					
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân-chia NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
C	TỔNG CHI NSDP					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

CƠ QUAN TÀI CHÍNH

Mẫu biểu số 03

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước... Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>					
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>					
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					

1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

76

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp xã, Sở Tài chính báo cáo định kỳ cho UBND cùng cấp)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước...Quý so (%)	
			Quý...	Lũy kế ...	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
-	TỔNG CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước					
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

th

CƠ QUAN TÀI CHÍNH CẤP XÃ

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ
QUÝ...NĂM....

(Dành cho cơ quan tài chính cấp xã báo cáo định kỳ cho Sở Tài chính)

DVT: Triệu
đồng

TT	NỘI DUNG	QB bổ sung của UBND thành phố	Mã CTMT	Tổng dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Gồm:		Dự toán thực rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán đã sử dụng (*) (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Nộp giảm dự toán (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại chưa sử dụng theo sổ rút tại KBNN (lũy kế tới kỳ báo cáo)	Tổng dự toán còn lại theo Quyết định (lũy kế tới kỳ báo cáo)
					Dự toán TP giao đầu năm	Dự toán TP bổ sung trong năm (lũy kế tới kỳ báo cáo)						
A	B	C	D	1=2+3	2	3	4	5	6	7=1-4	8=4-5	9=1-5-6
	TỔNG CỘNG (=A+B)											
A	CHI ĐẦU TU' (=I+II)											
I	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=I.1+I.2)											
I.1	Vốn thực hiện các dự án											
	<i>Chi tiết theo dự án</i>											
I.2	Vốn thực hiện các CT MQQG											
	<i>Chi tiết theo từng Chương trình</i>											

th

II	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ (=II.1+II.2)												
II.1	Vốn thực hiện các dự án												
	<i>Chi tiết theo dự án</i>												
II.2	Vốn thực hiện các CT MQQG												
	<i>Chi tiết theo từng Chương trình</i>												
B	CHI THƯỜNG XUYỀN (=I+II)												
I	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ												
	<i>Chi tiết theo từng nội dung</i>												
II	NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG (=II.1+II.2)												
II.1	Vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ												
	<i>Chi tiết từng nội dung</i>												

22

II.2	Vốn thực hiện các CT MQQG											
	Chi tiết theo từng Chương trình											

Ghi
chú:

(*) Tổng dự toán đã sử dụng tại cột số 5 là tổng dự toán đã phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc

Handwritten signature